

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 23 – 01 – 2019.

V/v: “Ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Luận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: không tham gia

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2018/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXX–HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1988 – có mặt

Nơi cư trú: Ấp Kinh Số A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1977 – vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày:

Chị H và anh P tổ chức lễ cưới vào năm 2005. Hôn nhân là do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh Ph không quan tâm đến cuộc sống của vợ con và nghi ngờ anh Ph có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó hai bên thường bất đồng ý kiến, quan điểm sống ngày càng không hợp nhau. Nên vào khoảng đầu năm 11/2015 thì hai bên ly thân cho đến nay.

Về con chung: Chị H trình bày trong quá trình sống chung thì vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với anh P.

Về tài sản chung: Chị H trình bày tài sản chung không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, nợ phải trả: Chị H trình bày nợ chung không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Ph; Về con chung: chị H đồng ý giao 02 con chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010 cho anh Ph nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ phải thu, nợ phải trả: Chị H trình bày không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phía bị đơn là anh Ph: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan cũng như không có ý kiến gì bằng văn đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được công bố vào ngày 08/10/2018.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị H và anh Ph tổ chức lễ cưới vào năm 2005. Hôn nhân là do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010. Theo trích lục khai sinh của cháu P và cháu Đ do chị Huệ giao nộp cho Tòa án thì xác định chị H và anh Ph là cha, mẹ ruột của cháu Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phương nhưng vẫn vắng mặt nên không xác định được các tình tiết, sự kiện sự thống nhất và không thống nhất giữa các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị H yêu cầu được ly hôn với anh Ph là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng

dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là anh Ph nhưng vắng mặt cả hai lần không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ph là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ việc:

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Ph.

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, theo lời trình bày của chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Ph là do anh Ph không quan tâm đến cuộc sống của vợ con và nghi ngờ anh Ph có người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó hai bên thường bất đồng ý kiến, quan điểm sống ngày càng không hợp nhau. Nên vào khoảng tháng 11/2015 thì hai bên ly thân cho đến nay. Ngoài ra vào ngày 14/04/2015 Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Lê Văn Ph. Sau đó, chị H kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử ngày 01/7/2015 không chấp nhận kháng cáo của chị H nhưng từ đó đến nay chị H và anh Ph vẫn không đoàn tụ được chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh Ph.

- Về con chung: Chị H tự nguyện giao chung tên Lê Nguyễn Tấn P, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010 cho anh Ph nuôi dưỡng. Sự tự nguyện này là không trái pháp luật vì từ khi ly thân đến nay 02 cháu Đ và cháu P do anh Ph nuôi dưỡng, ngoài ra tại bản khai của cháu P và cháu Đ có nguyện vọng sống chung với anh Ph sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc tự nguyện giao con chung của chị H.

Vậy tiếp tục giao cháu tên Lê Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010 cho anh Ph nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Ph vắng mặt và không có văn bản yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu và nợ phải trả: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hoàng H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng H được ly hôn anh Lê Văn Ph.

- Về con chung: tiếp tục giao cháu tên Lê Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 17/8/2007 và cháu Lê Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2010 cho anh Ph nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Ph vắng mặt và không có văn bản yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **N₀₀₁₁₁₂₈** ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Huệ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Vụ án được xét xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Ngọc Luận